

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ**

Số: /NQ-HĐND

DỰ THẢO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đồng Phú, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn
đầu tư công 6 tháng cuối năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2024 của HĐND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024.

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 16/12/2021; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16/12/2022; Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND huyện Đồng Phú về việc điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 17/6/2024 về việc điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025 (Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia);

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện Đồng Phú thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 17/6/2024 của HĐND huyện Đồng Phú về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia).

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2024 của HĐND huyện Đồng Phú về việc điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025;

Theo đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số /TTr-UBND ngày/.../2024, báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công 6 tháng cuối năm 2024, nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh 6 tháng cuối năm 2024 là 154,6 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn phân cấp theo định mức: 28,6 tỷ đồng.
- Nguồn thu sử dụng đất: 98,0 tỷ đồng.
- Nguồn tỉnh hỗ trợ xây dựng phòng học: 28,0 tỷ đồng.
- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 11,0 tỷ đồng, trong đó:
 - + Xã Tân Phước đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 9,0 tỷ.
 - + Xã Tân Lập duy trì đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021: 2,0 tỷ đồng.
- Nguồn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 25,816 tỷ đồng.
- Nguồn vốn kết dư xây dựng cơ bản năm 2023: 27,672 tỷ đồng.

(Biểu số 01 chi tiết)

2. Phương án bố trí kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung 6 tháng cuối năm 2024 là: 219,088 tỷ đồng (Biểu số 01 và các Phụ lục 1,2,3,4,5 chi tiết), trong đó:

- 2.1. Bố trí vốn các công trình chuyển tiếp:** 48,5 tỷ đồng (Phụ lục 1).
- 2.2. Bố trí các dự án dự án còn lại năm 2023:** 27,672 tỷ đồng (Phụ lục 2).
- 2.3. Bố trí vốn theo cơ cấu:** 1,5 tỷ đồng, trong đó:
 - Tắt toán các công trình quyết toán: 0,636 tỷ đồng (Phụ lục 3).
 - Vốn chuẩn bị đầu tư: 0,864 tỷ đồng (Phụ lục 4).
- 2.4. Khởi công mới năm 2024 là:** 141,416 tỷ đồng, trong đó:
 - Lĩnh vực giao thông, quy hoạch: 8,851 tỷ đồng.
 - Lĩnh vực xây dựng dân dụng: 31,753 tỷ đồng.
 - Đầu tư trường học đạt chuẩn quốc gia: 38,095 tỷ đồng.
 - Đầu tư Khoa học Công nghệ: 4,570 tỷ đồng.
 - Chương trình MTQG nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao: 31,158 tỷ đồng.
 - Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 26,989 tỷ đồng.

3. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 kéo dài sang năm 2024: 38,585 tỷ đồng, trong đó: Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức 1,899 tỷ đồng; nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học 0,058 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp kinh tế năm 2023 chuyển đầu tư phát triển: 20,4 tỷ đồng; Tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022: 0,831 tỷ đồng; Kết dư XD CB năm 2022: 15,397 tỷ đồng (Biểu số 03 chi tiết).

Điều 2. Giao Ủy Ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các vị Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng Nhân dân huyện Đồng Phú khoá XII, kỳ họp thứ mười một thông qua ngày tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Tổ trưởng Tổ Đại biểu HĐND tỉnh phụ trách huyện Đồng Phú;
- Sở Tư pháp, Công báo tỉnh;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- Ba Ban HĐND huyện;
- UBND huyện, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành đoàn thể huyện;
- Đảng ủy, TT.HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CV các khối;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

KẾ HOẠCH VỐN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2024 của UBND huyện Đồng Phú)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2024	Kế hoạch vốn điều chỉnh 6 tháng cuối năm 2024	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3	6
	TỔNG CỘNG (1+...+6)	177.600	219.088	41.488	
1	Nguồn vốn tinh phân cấp theo định mức	28.600	28.600	0	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	98.000	98.000	0	
3	Nguồn tinh hỗ trợ xây dựng phòng học	28.000	28.000	0	
4	Nguồn vốn tinh hỗ trợ NTM nâng cao	9.000	11.000	2.000	UBND tỉnh giao tại QĐ số 764/QĐ-UBND ngày 07/5/2024
5	Nguồn CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐB DTTS và Miền núi năm 2024	13.300	25.816	12.516	UBND tỉnh giao tại QĐ số 784/QĐ-UBND ngày 09/5/2024
5	Nguồn CTMTQG giảm nghèo bền vững năm 2024	700	0	-700	UBND tỉnh giao tại QĐ số 784/QĐ-UBND ngày 09/5/2024
6	Kết dư XDCB năm 2023	0	27.672	27.672	

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 - HUYỆN ĐỒNG PHÚ
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày / /2024 của UBND huyện Đồng Phú)

Đvt: Triệu đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2024				Giải ngân đến 31/5/2024	Kế hoạch vốn năm 2024 điều chỉnh	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2024							Ghi chú
					Kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó					Trong đó							
						Nguồn vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học			Nguồn vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao	Nguồn vốn CT MTQG Phát triển KTXH cùng ĐBDTTS và MN		Kết dư XDCB năm 2023	
															Nguồn vốn Trung ương	Nguồn vốn tỉnh		
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9		10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D)			513.481	154.600	28.600	98.000	28.000	45.369	219.088	28.600	98.000	28.000	11.000	23.469	2.347	27.672	
A	DANH MỤC CHUYỂN TIẾP NĂM 2023			286.000	48.500	0	48.500	0	28.500	48.500	0	48.500	0	0	0	0	0	Phụ lục 1
B	BỔ TRÍ VỐN CÁC DỰ ÁN CÒN LẠI NĂM 2023			0	0	0	0	0	0	27.672	0	0	0	0	0	0	27.672	Phụ lục 2
C	BỔ TRÍ VỐN THEO CƠ CẤU			1.500	1.500	1.500	0	0	0	1.500	1.500	0	0	0	0	0	0	
I	Bổ trí tất toán các công trình đã quyết toán			500	500	500	0	0	0	636	636	0	0	0	0	0	0	Phụ lục 3
II	Bổ trí các danh mục chuẩn bị đầu tư			1.000	1.000	1.000	0	0	0	864	864	0	0	0	0	0	0	Phụ lục 4
D	DANH MỤC ĐẦU TƯ MỚI NĂM 2024 (I+II+...+VII)			225.981	103.900	26.400	49.500	28.000	16.869	141.416	27.100	49.500	28.000	11.000	23.469	2.347	0	
I	Lĩnh vực giao thông, quy hoạch			22.950	12.600	0	12.600	0	2.745	8.851	0	8.851	0	0	0	0	0	
1	Xây dựng đường vòng quanh trung Đồng Ca, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QLCDA huyện	5061/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	9.000	4.500	0	4.500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Cất giam theo đề nghị của BQLCDA tại BC số 98/BC-BQLCDA ngày 11/6/2024
2	Nâng cấp láng nhựa đường từ dốc 5 tầng đi nhà văn hoá ấp 2, xã Đồng Tiến.	Ban QLCDA huyện	5062/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	8.500	5.400	0	5.400	0	2.500	5.400	0	5.400	0	0	0	0	0	
3	Xây dựng cống thoát nước tại ấp Thuận Thành, xã Thuận Lợi	Ban QLCDA huyện	5063/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	800	700	0	700	0	245	751	0	751	0	0	0	0	0	
4	Cắm mốc khu quy hoạch 100ha xã Tân Tiến; các Khu dân cư: ấp 1, ấp 4, xã Tân Lập; khu dân cư chợ Thuận Phú	Phòng Kinh tế và HT	5081/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	3.950	2.000	0	2.000	0	0	2.000	0	2.000	0	0	0	0	0	
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư ấp 3, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú	Phòng Kinh tế và HT		700	0	0	0	0	0	700	0	700	0	0	0	0	0	Bổ sung 6 tháng cuối năm 2024 (chưa phân bổ)
II	Lĩnh vực xây dựng dân dụng			70.650	27.400	17.800	9.600	0	4.194	31.753	11.735	20.018	0	0	0	0	0	
1	Xây dựng Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã, thị trấn trên địa bàn huyện giai đoạn 2023-2025	Ban QLCDA huyện	5064/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	58.800	21.000	12.000	9.000	0	414	21.000	982	20.018	0	0	0	0	0	
2	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy Quân sự thị trấn Tân Phú	Ban QLCDA huyện	5065/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	2.500	1.300	1.300	0	0	809	2.459	2.459	0	0	0	0	0	0	
3	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Tân Lợi	Ban QLCDA huyện	5066/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	2.500	1.300	1.300	0	0	801	2.436	2.436	0	0	0	0	0	0	
4	Xây dựng nhà làm việc Một cửa và khối đoàn thể xã Đồng Tâm	Ban QLCDA huyện	5067/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	3.800	2.000	2.000	0	0	1.006	2.820	2.820	0	0	0	0	0	0	25.816

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó			Giải ngân đến 31/5/2024	Kế hoạch vốn năm 2024 điều chỉnh	Trong đó							Ghi chú
						Nguồn vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học			Nguồn vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao	Nguồn vốn CT MTQG Phát triển KTXH cùng ĐBDTS và MN		Kết dư XDCB năm 2023	
															Nguồn vốn Trung ương	Nguồn vốn tỉnh		
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9		10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17	18
5	Xây dựng nhà kho chứa hóa chất, kết hợp trưng bày sản phẩm nông nghiệp	Ban QLCDA huyện	5068/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	600	400	400	0	0	371	596	596	0	0	0	0	0	0	
6	Xây dựng hệ thống PCCC và một số hạng mục phụ trợ Hội trường huyện Đồng Phú	Ban QLCDA huyện	5069/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	2.000	1.000	400	600	0	630	1.993	1.993	0	0	0	0	0	0	
7	Xây dựng công, hàng rào, sân lát gạch và một số hạng mục phụ trợ Trạm y tế xã Thuận Lợi	Ban QLCDA huyện	5070/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	450	400	400	0	0	163	449	449	0	0	0	0	0	0	
III	Đầu tư trường học đạt chuẩn quốc gia			45.900	37.500	6.100	3.400	28.000	5.430	38.095	10.095	0	28.000	0	0	0	0	
1	Mua sắm thiết bị 10 phòng chức năng và bộ môn Trường THCS Tân Lập	Ban QLCDA huyện	5071/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	3.200	1.900	1.500	400	0	1.900	2.495	2.495	0	0	0	0	0	0	
2	Xây dựng Trường PT DTNT và THCS Đồng Phú đạt chuẩn quốc gia (Hạng mục: nhà tập đa năng; Xây dựng nhà văn hóa; trang thiết bị....)	Ban QLCDA huyện	5072/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	8.400	4.000	2.000	2.000	0	2.000	4.000	4.000	0	0	0	0	0	0	
3	Xây dựng nhà thi đấu đa năng và mua sắm thiết bị các phòng chức năng Trường TH và THCS Tân Hòa	Ban QLCDA huyện	5073/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	6.300	3.600	2.600	1.000	0	1.252	3.600	3.600	0	0	0	0	0	0	
4	Dự án xây dựng 40 phòng học Trường đạt chuẩn quốc gia và Chương trình giao dục phổ thông	Ban QLCDA huyện	2456/QĐ-UBND ngày 12/7/2023	28.000	28.000	0	0	28.000	278	28.000	0	0	28.000	0	0	0	0	
	-Xây dựng 09 phòng Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS Đồng Phú	nt	nt	7.000	7.000	0	0	7.000		7.000	0	0	7.000	0	0	0	0	
	-Xây dựng 10 phòng Trường Mầm non Thuận Phú	nt	nt	7.400	7.400	0	0	7.400		7.400	0	0	7.400	0	0	0	0	
	-Xây dựng 21 phòng học Trường Tiểu học Tân Phú	nt	nt	13.600	13.600	0	0	13.600		13.600	0	0	13.600	0	0	0	0	
IV	Đầu tư Khoa học Công nghệ			4.600	2.500	2.500	0	0	2.500	4.570	4.570	0	0	0	0	0	0	
1	Đầu tư lĩnh vực Khoa học và Công nghệ năm 2024 (Mua sắm trang thiết bị phòng Anh văn (phòng Lab)các Trường:TH Tân Phú, TH Đồng Tiến, TH Tân Tiến và phòng Tin học các Trường: THCS Thuận Phú,TH Tân Lập, TH Đồng Tiến)	Phòng Kinh tế và HT (TT HĐ KHCN huyện)	5080/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	4.600	2.500	2.500	0	0	2.500	4.570	4.570	0	0	0	0	0	0	
V	Chương trình MTQG nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao			54.892	23.900	0	23.900	0	2.000	31.158	0	20.158	0	11.000	0	0	0	
1	Xây dựng 04 phòng chức năng điểm chính, 01 phòng học điểm lẻ, các hạng mục phụ trợ và mua sắm thiết bị các phòng chức năng Trường MN Tân Phước	Ban QLCDA huyện	5074/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	8.300	5.000	0	5.000	0	0	5.000	0	5.000	0	0	0	0	0	
2	Nâng cấp láng nhựa Đường Cây Diệp – Nam Đô (từ đường Lam Sơn - Tân Phước đến điểm trường tiểu học ấp Nam Đô)	Ban QLCDA huyện	5075/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	6.500	3.500	0	3.500	0	2.000	3.500	0	3.500	0	0	0	0	0	

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó			Giải ngân đến 31/5/2024	Kế hoạch vốn năm 2024 điều chỉnh	Trong đó							Ghi chú
						Nguồn vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học			Nguồn vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao	Nguồn vốn CT MTQG Phát triển KTXH cùng ĐBDTTS và MN		Kết dư XDCB năm 2023	
															Nguồn vốn Trung ương	Nguồn vốn tỉnh		
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17	18	
3	Xây dựng nhà thi đấu đa năng, nhà xe và mua sắm thiết bị các phòng chức năng Trường TH Đồng Tiến	Ban QLCDA huyện	5076/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	7.200	4.500	0	4.500	0	0	4.500	0	4.500	0	0	0	0	0	
4	Xây dựng, nâng cấp các hạng mục trên địa bàn xã Thuận Phú và xã Thuận Lợi	Ban QLCDA huyện	5077/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	1.032	900	0	900	0	0	900	0	900	0	0	0	0	0	
5	Xây dựng đường BTXM các tuyến đường giao thông nông thôn các xã	UBND các xã		20.000	10.000	0	10.000	0	0	6.258	0	6.258	0	0	0	0	Phụ lục 5	
6	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT đội 4 ấp Nam Đô - ấp Phước Tiến, xã Tân Phước (khu đồng bào DTTS)	UBND xã Tân Phước	1528/QĐ-UBND ngày 24/4/2024	3.000	0	0	0	0		3.000	0	0	0	3.000	0	0	0	
7	Nâng cấp láng nhựa đường Trung tâm hành chính xã Tân Phước	UBND xã Tân Phước	2122/QĐ-UBND ngày 04/5/2024	1.500	0	0	0	0		1.500	0	0	0	1.500	0	0	0	
8	Xây dựng công, hàng rào, sửa chữa, trang thiết bị Nhà văn hoá 08 ấp, xã Tân Phước	UBND xã Tân Phước	2392/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	3.900	0	0	0	0		3.900	0	0	0	3.900	0	0	0	
9	Xây dựng sân thể thao, công, hàng rào, mua sắm thiết bị trung tâm văn hoá thể thao xã Tân Phước	UBND xã Tân Phước	2300/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	600	0	0	0	0		600	0	0	0	600	0	0	0	
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ Thửa số 57 tờ bản đồ số 65 đến thửa số 58 tờ bản đồ số 66 Ấp 4, xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập		442	0	0	0	0		310	0	0	0	310	0	0	Nguồn vốn tỉnh bổ sung nhiệm vụ theo bộ tiêu chí mới cho xã đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2021: 2 tỷ đồng (Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 01/4/2024), Nhân dân đóng ứng: 0,860 tỷ đồng (theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 12/4/2022 của HĐND tỉnh)	
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ Thửa số 26 tờ bản đồ số 65 đến thửa số 12 tờ bản đồ số 66 Ấp 4, xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập		1.178	0	0	0	0		825	0	0	0	825	0	0		0
3	Nâng cấp, mở rộng đường từ Thửa số 40 tờ bản đồ số 64 đến thửa số 25 tờ bản đồ số 65 Ấp 4, xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập		740	0	0	0	0		515	0	0	0	515	0	0		0
4	Nâng cấp, mở rộng đường từ thửa 12, tờ bản đồ 68 đến thửa 40 tờ bản đồ 64, Ấp 4, xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập		500	0	0	0	0		350	0	0	0	350	0	0		0
VII	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			26.989	0	0	0	0	0	26.989	700	473	0	0	23.469	2.347	0	
1	Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			3.634	0	0	0	0	0	3.634	158	0	0	0	3.160	316	0	
1.1	Xây mới nhà ở			184	0	0	0	0		184	8	0			160	16	UBND các xã: Đồng Tâm 2 căn, Đồng Tiến 01 căn, Thuận Lợi: 01 căn.	
-	Xây mới nhà ở	UBND xã Đồng Tâm		92	0	0	0	0		92	4	0			80	8		
-	Xây mới nhà ở	UBND xã Đồng Tiến		46	0	0	0	0		46	2	0			40	4		
-	Xây mới nhà ở	UBND xã Thuận Lợi		46	0	0	0	0		46	2	0			40	4		

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó			Giải ngân đến 31/5/2024	Kế hoạch vốn năm 2024 điều chỉnh	Trong đó							Ghi chú
						Nguồn vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học			Nguồn vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao	Nguồn vốn CT MTQG Phát triển KTXH cùng ĐBDTTS và MN		Kết dư XDCB năm 2023	
															Nguồn vốn Trung ương	Nguồn vốn tỉnh		
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9		10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17	18
1.2	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung tại các xã Tân Phước, Tân Hưng, Thuận Lợi	Phòng Dân tộc		3.450	0	0	0	0		3.450	150	0			3.000	300		
2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			9.699	0	0	0	0	0	9.699	0	422	0	0	8.434	843	0	
2.1	Nâng cấp cải tạo đường GTNT từ ngã ba nhà ông Ba Phương đi nhà bà Út Linh kết nối xã Tân Lợi và Tân Hưng (Giai đoạn 2; 1,8km)	Phòng Dân tộc		3.312	0	0	0	0	0	3.312	0	144			2.880	288		
2.2	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT từ nhà ông Đoàn Văn Thuận đến nhà ông Nguyễn Văn Tư kết nối xã Tân Hưng và Tân Lợi, huyện Đồng Phú dài 1,5km	Phòng Dân tộc		2.760	0	0	0	0	0	2.760	0	120			2.400	240		
2.3	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT từ khu sinh thái ấp 1 kết nối xã Thuận Lợi và Đồng Tâm, huyện Đồng Phú dài 2km	Phòng Dân tộc		3.627	0	0	0	0	0	3.627	0	158			3.154	315		
3	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS&MN			11.461	0	0	0	0	0	11.461	447	51	0	0	9.966	997	0	
3.1	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục tại Trường DTNT THCS huyện Đồng Phú (Khối hiệu bộ; khối phòng học lý thuyết, khối phòng học bộ môn; ký túc xá; phòng ở giáo viên; nhà bếp, nhà ăn; công rào, nhà bảo vệ; sân trường; nạo vét mương thoát nước nhà bếp và ký túc xá; hệ thống phòng cháy chữa cháy; nhà vệ sinh; tháp nước)	Phòng Dân tộc		6.440	0	0	0	0	0	6.440	229	51	0	0	5.600	560	0	
3.2	Nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất khối phòng học, công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp công trình phụ trợ (thay mái tôn hiện hữu tại 06 dãy phòng học, nhà ở, phòng quản lý) Trường DTNT THCS huyện Đồng Phú	Phòng Dân tộc		5.021	0	0	0	0	0	5.021	218	0	0	0	4.366	437	0	
4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch			2.195	0	0	0	0	0	2.195	95	0	0	0	1.909	191	-	
4.1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao và trang thiết bị tại các ấp vùng đồng bào DTTS và miền núi (Nâng cấp cải tạo các nhà văn hoá tại các ấp vùng đồng bào DTTS&MN)	Phòng Dân tộc		2.195	0	0	0	0	0	2.195	95	0			1.909	191	0	
D	Kế hoạch vốn chưa phân bổ			0	700	700	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Vốn đối ứng Chương trình MTQG

DANH MỤC CHUYỂN TIẾP NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2024 của UBND huyện Đồng Phú)

Dvt: Triệu đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024 (Từ nguồn thu tiền sử dụng đất)	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2024 (Từ nguồn thu tiền sử dụng đất)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG			278.000	110.000	48.500	48.500	
1	Xây dựng đường xuyên tâm Tân Hưng - Tân Lập	Ban QLCDA huyện	7554/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	180.000	30.000	40.000	40.000	Số vốn còn thiếu 110 tỷ đồng bố trí năm 2025-2026
2	Đường kết nối huyện Đồng Phú với huyện Phú Riềng (kết nối từ ĐT 758, xã Thuận Phú đến ranh huyện Phú Riềng)	Ban QLCDA huyện	3372/QĐ-UBND ngày 06/9/2023	8.000	7.000	400	400	
3	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông xã Tân Hòa đi xã Tân Lợi	Ban QLCDA huyện	2117/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	90.000	73.000	8.100	8.100	

BẢNG BỐ TRÍ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CÁC CÔNG TRÌNH CÒN LẠI NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2024 của UBND huyện Đồng Phú)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung (Chủ đầu tư)	Mã dự án	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế KHV đã bố trí đến hết năm 2023	Số vốn đã giải ngân đến hết năm 2023	Bổ sung KHV năm 2024 (Nguồn Kết dư XDCB năm 2023)	Ghi chú
1	2	3	4	5	7	8	11	12
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)			214.520.475.421	152.559.626.190	85.469.736.112	27.672.000.000	
I	BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN			195.760.000.000	143.819.958.816	78.002.398.053	25.607.670.685	
1	Xây dựng hệ thống thoát nước các tuyến đường khu Dân cư tập trung, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	8021160	2023-2025	15.000.000.000	13.382.000.000	12.762.040.340	91.279.000	
2	Đầu tư xây dựng nối dài các đường tổ đầu nối với đường DH KCN Phía Tây Nam Đồng Xoài, xã Tân Tiến (tổ 1, tổ 15, tổ 17, tổ 29, tổ 39, tổ 43...)	8021156	2023-2025	10.000.000.000	7.509.958.816	7.509.958.816	950.000.000	Năm 2023 hực thu tiền SDĐ chưa nhận vốn
3	Đầu tư xây dựng nối dài các đường tổ đầu nối với đường DH KCN Phía Tây Nam Đồng Xoài, xã Tân Lập (tổ 20, tổ 26, tổ 30, tổ 36, tổ 46...)	8021161	2023-2025	9.900.000.000	6.948.000.000	6.668.398.897	1.700.000.000	Năm 2023 hực thu tiền SDĐ chưa nhận vốn
4	Xây dựng vỉa hè, điện chiếu sáng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riêng Đỏ đến ĐT 741 và xây dựng đoạn CPSĐ từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú (giai đoạn 2)	7964822	2023-2024	6.000.000.000	5.998.000.000	4.848.000.000	1.152.000.000	NT
a	Bổ sung vốn GPMB các tuyến đường nội ô TT Tân Phú			77.430.000.000	54.991.000.000	23.107.000.000	21.714.391.685	
1	Xây dựng cấp phối sỏi đỏ đường Ngô Quyền nối dài từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	7881512	2023-2024	7.528.000.000	7.528.000.000	4.328.000.000	3.000.000.000	Năm 2023 hực thu tiền SDĐ chưa nhận vốn

STT	Nội dung (Chủ đầu tư)	Mã dự án	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế KHV đã bố trí đến hết năm 2023	Số vốn đã giải ngân đến hết năm 2023	Bổ sung KHV năm 2024 (Nguồn Kết dư XDCB năm 2023)	Ghi chú
1	2	3	4	5	7	8	11	12
2	Nâng cấp mở rộng đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	7881510	2023-2024	29.211.000.000	16.856.000.000	4.600.000.000	11.739.391.685	NT
3	Xây dựng đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài đến cầu Mới, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	7885007	2023-2024	7.126.000.000	7.126.000.000	1.926.000.000	1.000.000.000	NT
4	Xây dựng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riêng Đò đến ĐT 741 và đoạn từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	7985417	2023-2024	21.819.000.000	14.223.000.000	6.627.000.000	3.500.000.000	NT
5	Xây dựng đường Nguyễn Huệ nối dài từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú.	7965252	2023-2024	11.746.000.000	9.258.000.000	5.626.000.000	2.475.000.000	NT
I	PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG			10.450.000.000	1.563.918.121	329.127.226	1.484.790.895	
1	Quy hoạch chung đô thị Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đến năm 2045.	8058338	2022 - 2024	3.000.000.000	250.000.000	61.466.395	438.533.605	
2	Quy hoạch chung đô thị Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đến năm 2045.	8064105	2022 - 2024	3.000.000.000	300.000.000	0	300.000.000	
3	Điều chỉnh quy hoạch khu dân cư xã Tân Tiến	7963256	2022 - 2024	3.000.000.000	419.000.000	267.660.831	151.339.169	
4	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn ấp Thái Dũng, xã Tân Tiến (giáp ranh với thị trấn Tân Phú)	7922679	2022 - 2024	1.000.000.000	454.000.000	0	454.000.000	
5	Lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư, kết hợp chợ ấp Thạch Màng xã Tân Lợi	7918675	2022 - 2024	450.000.000	140.918.121	0	140.918.121	
II	PHÒNG VĂN HOÁ THÔNG TIN			7.000.000.000	6.485.000.000	6.484.543.589	515.456.411	
1	Đầu tư thiết bị phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng chính quyền số, địa phương thông minh giai đoạn 2022-2025	8005793	2022-2024	7.000.000.000	6.485.000.000	6.484.543.589	515.456.411	

STT	Nội dung (Chủ đầu tư)	Mã dự án	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế KHV đã bố trí đến hết năm 2023	Số vốn đã giải ngân đến hết năm 2023	Bổ sung KHV năm 2024 (Nguồn Kết dư XDCB năm 2023)	Ghi chú
1	2	3	4	5	7	8	11	12
III	UBND xã Tân Lợi			162.475.421	89.749.253	52.667.244	37.082.009	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Văn Hai – Nguyễn Văn Phong đến thửa 169, tờ bản đồ số 26, ấp Đồng Bia	8065876	2023-2025	162.475.421	89.749.253	52.667.244	37.082.009	
IV	VỐN ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MN			1.148.000.000	601.000.000	601.000.000	27.000.000	
1	UBND xã Thuận Lợi			632.000.000	337.000.000	337.000.000	15.000.000	
1.1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Hỗ trợ xây dựng mới nhà ở) cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số xã Thuận Lợi	8061734	2023-2024	602.000.000	308.000.000	308.000.000	14.000.000	
1.2	8067351 - Chương trình MTQG dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt các hộ DTTS xã Thuận Lợi (Hỗ trợ sửa nhà ở)	8067351	2023-2024	30.000.000	29.000.000	29.000.000	1.000.000	
2	UBND xã Đồng Tiến			344.000.000	176.000.000	176.000.000	8.000.000	
2.1	Dự án 1 Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Hỗ trợ xây mới nhà ở) cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số xã Đồng Tiến	8062490	2023-2024	344.000.000	176.000.000	176.000.000	8.000.000	
3	UBND xã Đồng Tâm			172.000.000	88.000.000	88.000.000	4.000.000	
3.1	Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (hỗ trợ xây dựng mới nhà ở)	8064907	2023-2024	172.000.000	88.000.000	88.000.000	4.000.000	

BẢNG BỐ TRÍ VỐN TẮT TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2024 của UBND huyện Đồng Phú)

ĐVT: Đồng

STT	Tên Dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2024 (nguồn vốn tỉnh phân cấp)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG			635.684.911	
1	Xây dựng 02 phòng TH Thuận Lợi B.	320070033	Ban QLCD huyện	9.855.000	
2	Xây dựng 06 phòng lều THCS Tân Lập	320060002	Ban QLCD huyện	43.220.040	
3	Xây dựng 02 phòng MN Hướng Dương Tân Lập.	320070015	Ban QLCD huyện	3.180.000	
4	Xây dựng 02 phòng MN Tân Lợi	320050024	Ban QLCD huyện	91.703.000	
5	Xây dựng 04 phòng học THCS Tân Lợi (KCH)	320060036	Ban QLCD huyện	123.980.000	
6	Xây dựng 02 phòng học THPT Tân Hòa.	320060040	Ban QLCD huyện	107.168.000	
7	Cải tạo sửa chữa trụ sở Huyện Ủy Nhà bếp, nhà thủy tạ, nhà tập thể...	7137301	Ban QLCD huyện	100.582.000	
8	Xây dựng, nâng cấp nhà văn hóa các ấp và trụ sở xã Thuận Lợi để đạt chuẩn nông thôn mới	7784035	UBND xã Thuận Lợi	32.847.051	
9	Xây dựng và mua sắm thiết bị Nhà văn hóa ấp Thuận Bình, xã Thuận Lợi	7824098	UBND xã Thuận Lợi	10.695.372	
10	Xây dựng Trường THCS Thuận Phú, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước		UBND xã Thuận Phú	83.301.375	
11	Xây dựng nhà ở cho chiến sỹ Công an huyện Đồng Phú	7898431	Công an huyện	17.085.000	
12	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Nâng cấp cải tạo đường GTNT từ ngã ba nhà ông Ba Phương đi nhà bà Út Linh kết nối xã Tân Lợi và Tân Hưng huyện Đồng Phú)	8027003	Phòng Dân tộc	12.068.073	

DANH MỤC DỰ KIẾN ĐẦU TƯ MỚI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2024 của UBND huyện Đồng Phú)

Đvt: Triệu đồng

Stt	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn tỉnh phân cấp theo định mức)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng		35.100	864	
1	Xây dựng đường quy hoạch số 7, huyện Đồng Phú (Đoạn từ đường ĐT753 đến đường Đồng Phú - Bình Dương, xã Tân Lợi)	Ban QLCCA huyện	14.900	400	
2	Xây dựng mới, nâng cấp, chỉnh trang công, hàng rào Huyện ủy, UBND huyện, Hội trường huyện Đồng Phú	Ban QLCCA huyện	6.000	100	
3	Xây dựng Hội trường 250 chỗ UBND xã Đồng Tâm	Ban QLCCA huyện	3.900	70	
4	Xây dựng 4 phòng học và 04 phòng chức năng và một số hạng mục phụ trợ Trường MN Tân Hòa	Ban QLCCA huyện	9.300	250	
5	Mua sắm thiết bị 10 phòng (04 phòng phục vụ học tập và 06 phòng học) Trường MN Thuận Phú	Ban QLCCA huyện	1.000	44	

DANH MỤC KẾ HOẠCH VỐN ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2024 của UBND huyện Đồng Phú)

DVT: Đồng

Stt	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư	Chiều dài (km)	Quyết định phê duyệt dự toán của UBND xã	Tổng mức đầu tư	Trong đó				Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn thu tiền sử dụng đất)	Ghi chú
						Vốn NSNN hỗ trợ			Vốn Nhân dân đối ứng		
						Tổng cộng	Tỉnh hỗ trợ trực tiếp vật liệu (xi măng)	Hỗ trợ kinh phí			
1	2	3	4	5	6=7+10	7=8+9	8	9	10	11	12
	Tổng cộng (I+..+VI)		9,600		11.072.416.255	8.150.638.503	1.893.485.515	6.257.152.988	2.921.777.752	6.257.152.988	
I	Xã Thuận Lợi		0,240		221.009.306	154.706.514	37.463.832	117.242.682	66.302.792	117.242.682	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Phan Thiên Lý đến nhà bà Lê Thị Nhiên tổ 4, ấp Thuận Thành 2 (thửa đất số 3,17 tờ bản đồ số 4, 5)	Cấp C	0,150	92/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	138.130.817	96.691.572	23.414.895	73.276.677	41.439.245	73.276.677	
2	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Lê Duy Kiều đến nhà ông Nguyễn Văn Thắm tổ 4, ấp Thuận Bình (thửa đất số 51,68, 234,19 tờ bản đồ số 49)	Cấp C	0,09	91/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	82.878.489	58.014.942	14.048.937	43.966.005	24.863.547	43.966.005	
II	Xã Thuận Phú		1,100		2.068.116.146	1.551.087.110	380.102.800	1.170.984.310	517.029.036	1.170.984.310	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Phan Văn Quyết đến nhà ông Nguyễn Văn Minh ấp Thuận Hải (từ thửa đất số 189,197 đến thửa số 70, 187 tờ bản đồ số 64)	Cấp B	0,350	89/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	658.036.956	493.527.717	120.941.800	372.585.917	164.509.239	372.585.917	
2	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Lê Hữu Tài đến nhà bà Lê Thị Thuý ấp Thuận Hải (từ thửa đất số 02,03 đến thửa số 137,208 tờ bản đồ số 64)	Cấp B	0,750	88/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	1.410.079.190	1.057.559.393	259.161.000	798.398.393	352.519.797	798.398.393	
III	Xã Đồng Tiến		3,070		2.852.464.546	1.996.725.183	479.224.851	1.517.500.332	855.739.363	1.517.500.332	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Quý đến nhà ông Thuý, đội 6 ấp Suối Bình (đầu tuyến thửa số 281 cuối tuyến thửa số 226, tờ bản đồ số 57)	Cấp C	0,170	58/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	157.954.065	110.567.846	26.536.881	84.030.965	47.386.219	84.030.965	
2	Xây dựng đường BTXM Đội 4, ấp 5 (đầu tuyến thửa số 01 cuối tuyến thửa số 55, tờ bản đồ số 50)	Cấp C	0,660	62/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	613.233.419	429.263.393	103.025.538	326.237.855	183.970.026	326.237.855	

3	Xây dựng đường BTXM Đội 1, ấp 6 (đầu tuyến thửa số 11, tờ bản đồ số 51 cuối tuyến thửa số 04, tờ bản đồ số 43)	Cấp C	1	63/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	929.141.544	650.399.081	156.099.300	494.299.781	278.742.463	494.299.781	
4	Xây dựng đường BTXM Đội 1, ấp 5 (đầu tuyến thửa số 18, tờ bản đồ số 40 cuối tuyến thửa số 13, tờ bản đồ số 37)	Cấp C	0,720	60/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	668.981.911	468.287.338	112.391.496	355.895.842	200.694.573	355.895.842	
5	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Dũng đến nhà ông Ngọc Đới 6, ấp Suối Bình (đầu tuyến thửa số 39 cuối tuyến thửa số 48, tờ bản đồ số 47)	Cấp C	0,360	59/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	334.490.958	234.143.671	56.195.748	177.947.923	100.347.287	177.947.923	
6	Xây dựng đường BTXM nối dài Đới 7, ấp Suối Đới (đầu tuyến thửa số 66 cuối tuyến thửa số 38, tờ bản đồ số 70)	Cấp C	0,160	61/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	148.662.649	104.063.854	24.975.888	79.087.966	44.598.795	79.087.966	
IV	Xã Đồng Tâm		1,460		1.364.686.121	1.023.514.591	227.904.978	795.609.613	341.171.530	795.609.613	
1	Xây dựng đường BTXM nối tiếp từ đường BTXM nhà ông Tiến đến nhà ông Hiếu (từ thửa số 61 đến thửa số 73, tờ bản đồ số 52)	Cấp C	0,600	79/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	560.829.913	420.622.435	93.659.580	326.962.855	140.207.478	326.962.855	
2	Xây dựng đường BTXM từ Quốc lộ 14 đến đất nhà ông Nguyễn Văn Sơn giáp Suối (từ thửa số 35 đến thửa số 15, tờ bản đồ số 62)	Cấp C	0,520	80/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	486.052.591	364.539.443	81.171.636	283.367.807	121.513.148	283.367.807	
3	Xây dựng đường BTXM từ ngã ba ông Hoàng Thê Nhân đến nhà ông Nguyễn Văn Chương (từ thửa số 24 đến thửa số 20, tờ bản đồ số 62)	Cấp C	0,340	78/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	317.803.617	238.352.713	53.073.762	185.278.951	79.450.904	185.278.951	
V	Xã Tân Lập		3,530		4.380.311.826	3.285.233.872	737.569.194	2.547.664.678	1.095.077.954	2.547.664.678	
1	Xây dựng đường BTXM từ đường tổ 9 ấp 2 đến khu dân cư ấp 1 (đầu tuyến thửa đất số 61, tờ bản đồ số 48 đến điểm cuối tuyến thửa đất số 6 tờ bản đồ số 58).	Cấp C	0,930	106/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	1.435.042.345	1.076.281.759	241.953.915	834.327.844	358.760.586	834.327.844	
2	Xây dựng đường BTXM từ đường tổ 17 ấp 9 nối dài đến tuyến đường số 1 (đầu tuyến thửa 38, tờ bản đồ số 39 đến điểm cuối tuyến thửa 70, tờ bản đồ số 49)	Cấp C	1,690	107/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	1.829.628.187	1.372.221.141	307.775.787	1.064.445.354	457.407.046	1.064.445.354	
3	Xây dựng đường BTXM đầu nối từ đường tổ 17 ấp 9 (Thửa số 75, 79, 46, 40, 113, 41; tờ bản đồ số 49).		0,470	103/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	436.696.525	327.522.394	73.366.671	254.155.723	109.174.131	254.155.723	

4	Xây dựng đường BTXM đầu nối với đường Đ10 ấp 4 (Thửa số 1, 2, 3; tờ bản đồ số 42)	Cấp C	0,325	104/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	501.493.295	376.119.972	84.553.788	291.566.184	125.373.323	291.566.184	
5	Xây dựng đường BTXM đầu nối với đường tổ 47 ấp 4 (Thửa số 10, tờ bản đồ số 23)	Cấp C	0,115	105/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	177.451.474	133.088.606	29.919.033	103.169.573	44.362.868	103.169.573	
VI	Xã Tân Hưng		0,200		185.828.310	139.371.233	31.219.860	108.151.373	46.457.077	108.151.373	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Nghĩa đến nhà bà Nông Thị Nhung, ấp Suối Đa (Điểm đầu thửa 67, tờ bản đồ số 22; điểm cuối thửa số 90, tờ bản đồ 22)	Cấp C	0,200	43/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	185.828.310	139.371.233	31.219.860	108.151.373	46.457.077	108.151.373	

DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 KÉO DÀI SANG 2024

NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2024 của UBND huyện Đồng Phú)

ĐVT: Triệu Đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2023							Giải ngân vốn năm 2023 (đến ngày 31/01/2024)						Số còn lại năm 2023 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2024)						Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024						Ghi chú				
					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó										
						Nguồn vốn tỉnh phân cấp (Chỉ XDCB tập trung)	Nguồn thu tiền sử dụng đất tỉnh phân cấp	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện XD phòng học (Xổ số kiến thiết)	Vốn sự nghiệp kinh tế năm 2023 chuyển đầu tư phát triển	Tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022		Kết dư XDCB năm 2022	Nguồn vốn tỉnh phân cấp (Chỉ XDCB Tập trung)	Nguồn thu tiền sử dụng đất tỉnh phân cấp	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện XD phòng học (Xổ số kiến thiết)	Vốn sự nghiệp kinh tế năm 2023 chuyển đầu tư phát triển		Tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022	Kết dư XDCB năm 2022	Nguồn vốn tỉnh phân cấp (Chỉ XDCB Tập trung)	Nguồn thu tiền sử dụng đất tỉnh phân cấp	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện XD phòng học (Xổ số kiến thiết)		Vốn sự nghiệp kinh tế năm 2023 chuyển đầu tư phát triển	Tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022	Kết dư XDCB năm 2022								
1	2	3	4	6	7=8+...+13	8	9	10	11	12	13	14=15+...+20	15	16	17	18	19	20	21=22+...+27	22	23	24	25	26	27	28=29+...+34	29	30	31	32	33	34	35	
TỔNG CỘNG (A+B)					422.247	147.612	7.298	13.399	7.000	80.000	6.000	33.914	108.312	5.398	13.399	6.802	59.600	5.169	17.944	39.300	1.901	0	198	20.400	831	15.971	38.585	1.899	0	58	20.400	831	15.397	
A	Ban quản lý các dự án huyện			409.628	139.581	5.198	13.399	7.000	80.000	3.000	30.983	103.767	5.009	13.399	6.802	59.600	2.169	16.787	35.814	189	0	198	20.400	831	14.196	35.118	187	0	58	20.400	831	13.642		
I	Lĩnh vực giao thông			370.992	100.236	0	0	0	80.000	0	20.236	66.869	0	0	0	59.600	0	7.269	33.367	0	0	0	0	0	12.967	33.366	0	0	0	0	0	0	12.966	
1	Nâng cấp Đường GTNT từ ĐT741 (bên hông trường TH Tân Lập) đến KDC ấp 4 xã Tân Lập (TLA12)	7952734	Ban QLCD huyện	10.000	2.835						2.835	2.815					2.815	20						20	19							19		
2	7850938 - Tuyến số 1 (theo qh là tuyến kết nối số 2)Đầu tuyến giao với đường DT 741 (khoảng km51+450, ấp 2, xã tân lập), cuối tuyến giao với đường ĐP-BP(giáp đường trục khu TĐC khoảng km35) dài 10,48km, quy mô đầu tư: Chiều dài tuyến 5,6/10,48km lộ giới 32m	7850938	Ban QLCD huyện	69.303	4.402						4.402	1.522					1.522	2.880						2.880	2.880								2.880	
3	7850939 - Tuyến số 2 (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 03): Đầu tuyến giao với đường DT 741 (khoảng Km 53+435), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp với trục KCN tại khoảng Km 32+600); Quy mô: Chiều dài tuyến 4,2/9,2 Km, lộ giới 65m	7850939	Ban QLCD huyện	46.132	7.402						7.402	1.995					1.995	5.407						5.407	5.407								5.407	
4	7850940 - Tuyến số 3 (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 04): Đầu tuyến giao với DT 741 (khoảng Km56+800), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km30+200); Quy mô: Chiều dài tuyến 6,1/9,5km, lộ giới 42m	7850940	Ban QLCD huyện	75.193	2.502						2.502	937					937	1.565						1.565	1.565								1.565	
5	7850941 - Tuyến số 4 (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 05): Đầu tuyến giao với đường DT 741 (khoảng Km60+750) cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km27+600); Quy mô: Chiều dài tuyến 8,2/10,5km, lộ giới 42m	7850941	Ban QLCD huyện	61.464	2.365						2.365	0					0	2.365						2.365	2.365								2.365	
6	7852661 - Tuyến số 5: Đầu tuyến giao với đường DT 741 (khoảng Km49+740), điểm cuối tại ranh Nông trường cao su Tân Lập. Quy mô: Chiều dài tuyến 0,5/1,8km, lộ giới 42m	7852661	Ban QLCD huyện	10.900	730						730	0					0	730						730	730								730	
7	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông xã Tân Hòa đi xã Tân Lợi	8035331	Ban QLCD huyện	90.000	73.000				73.000	0	55.000					55.000		18.000					18.000		18.000							18.000		
8	Đường kết nối huyện Đồng Phú với huyện Phú Riềng (kết nối từ ĐT 758, xã Thuận Phú đến ranh huyện Phú Riềng)	8045831	Ban QLCD huyện	8.000	7.000				7.000	0	4.600					4.600		2.400					2.400		2.400							2.400		
II	Đầu tư trường học đạt chuẩn quốc gia			34.100	34.072	5.000	13.399	7.000	0	0	8.673	33.176	5.000	13.399	6.802	0	0	7.975	896	0	0	0	198	0	0	698	224,00	0	0	58,00	0	0	166,00	
1	Xây dựng 10 phòng học Trường THCS Tân Lập	8018034	Ban QLCD huyện	7.000	7.000	0	0	7.000			0	6.802				6.802		198					198		58							58		
2	Xây dựng 04 phòng chức năng, nhà thi đấu đa năng, nhà vệ. đường đi Trường TH&THCS Tân Lợi	8021148	Ban QLCD huyện	9.500	9.500	5.000	2.500				2.000	9.283	5.000	2.500			1.783	217					217	64								64		
3	Xây dựng 14 phòng Trường THCS Tân Tiến	8014319	Ban QLCD huyện	17.600	17.572	0	10.899				6.673	17.091	0	10.899			6.192	481					481	102								102		
III	Lĩnh vực dân dụng			4.536	4.536	0	0	0	0	3.000	1.536	3.705	0	0	0	2.169	1.536	831	0	0	0	0	831	0	831	0	0	0	0	0	831	0		
1	Xây dựng nhà ở doanh trại cho 07 đơn vị Công an xã: Tân Phước, Tân Hưng, Tân Hòa, Tân Lợi, Tân Lập, Đồng Tiến, Đồng Tâm	8050402	Ban QLCD huyện	4.536	4.536					3.000	1.536	3.705				2.169	1.536	831					831		831							831		
IV	Các danh mục tái tạo				737	198	0	0	0	0	539	17	9	0	0	0	8	720	189	0	0	0	0	0	531	697	187	0	0	0	0	510		
1	XD đường HTNN khu TTHC huyện tuyến 10H dài 598m	7126120	Ban QLCD huyện		106	106						5	5					101	101					101	101									
2	Xây dựng 8 phòng học, 02 phòng CN điểm Thạch Mang trường TH và THCS Tân Lợi	7881515	Ban QLCD huyện		16	16						4	4					12	12					11	11									

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2023							Giải ngân vốn năm 2023 (đến ngày 31/01/2024)							Số còn lại năm 2023 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2024)							Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024							Ghi chú
					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó									
						Nguồn vốn tính phân cấp (Chỉ XDCB tập trung)	Nguồn thu tiền sử dụng đất tính phân cấp	Nguồn vốn tính hỗ trợ huyện XD phòng học (Số số kiến thiết)	Vốn sự nghiệp kinh tế năm 2023 chuyển đầu tư phát triển	Tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022		Kết dư XDCB năm 2022	Nguồn vốn tính phân cấp (Chỉ XDCB Tập trung)	Nguồn thu tiền sử dụng đất tính phân cấp	Nguồn vốn tính hỗ trợ huyện XD phòng học (Số số kiến thiết)	Vốn sự nghiệp kinh tế năm 2023 chuyển đầu tư phát triển		Tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022	Kết dư XDCB năm 2022	Nguồn vốn tính phân cấp (Chỉ XDCB Tập trung)	Nguồn thu tiền sử dụng đất tính phân cấp	Nguồn vốn tính hỗ trợ huyện XD phòng học (Số số kiến thiết)		Vốn sự nghiệp kinh tế năm 2023 chuyển đầu tư phát triển	Tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022	Kết dư XDCB năm 2022							
1	2	3	4	6	7-8+ -13	8	9	10	11	12	13	14+15+ -20	15	16	17	18	19	20	21+22+ -27	22	23	24	25	26	27	28-29+ 3-4	29	30	31	32	33	34	35
3	Cải tạo ,Sửa chữa Bệnh viện đa khoa huyện	7210440	Ban QLCDCA huyện		76	76						0	0						76	76						75	75						
4	XD 02 phòng KCH MN Đồng Tâm.	7071045	Ban QLCDCA huyện		101						101	0						0	101						101	101							101
5	XD 08 phòng TH Tân Lập B	7070950	QLCDA huyện		19						19	0						0	19						19	19							19
6	XD 04 phòng học lâu THCS Tân Hòa.	7331702	Ban QLCDCA huyện		7						7	0						0	7						7	0							
7	XD 06 phòng lâu THCS Tân Phú.	7248971	Ban QLCDCA huyện		60						60	0						0	60						60	59							59
8	Cải tạo sửa chữa Hạt Kiểm Lâm Huyện	7274782	QLCDA huyện		42						42	0						0	42						42	42							42
9	XD 02 phòng MN Tân Hưng	7126046	Ban QLCDCA huyện		4						4	0						0	4						4	0							
10	XD 08 phòng KCH THCS Tân Hưng	7208407	Ban QLCDCA huyện		11						11	0						0	11						11	11							11
11	XD 04 phòng học lâu, 01 phòng thuận tiện, 01 phòng thuận bình, TB MN Thuận Lợi	7390713	QLCDA huyện		14						14	0						0	14						14	13							13
12	XD 06 phòng KCH MN Đồng Tiến	7126054	Ban QLCDCA huyện		22						22	0						0	22						22	21							21
13	XD 04 phòng KCH TH Thuận Lợi A	7208412	Ban QLCDCA huyện		7						7	0						0	7						7	0							
14	XD khối hiệu bộ, nhà xe giáo viên nhà xe học sinh, nhà bảo vệ TH Tân Lập A	7273897	Ban QLCDCA huyện		20						20	0						0	20						20	20							20
15	XD 08 phòng học lâu TH Tân Lợi.	7208450	Ban QLCDCA huyện		199						199	7						7	192						192	191							191
16	XD nhà công vụ - cải tạo trồng mới cây xanh Huyện Uy	7006857	Ban QLCDCA huyện		33						33	0						0	33						33	33							33
B	Phòng Kinh tế và hạ tầng			12.619	8.031	2.100	0	0	0	3.000	2.931	4.545	388	0	0		3.000	1.157	3.486	1.712	0	0	0	0	1.774	3.467	1.712	0	0	0	0	0	1.755
1	XD đường Tôn Đức Thắng nối dài đến khu CN Bắc Đồng Phú	7741348	Phòng KTHIT	3.529	588						588	0						0	588						588	588							588
2	Lập quy hoạch chi tiết thị trấn Tân phú	7846626	Phòng KTHIT	1.889	243						243	0						0	243						243	243							243
3	Quy hoạch chung đô thị Tân Hòa, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.	8064104	Phòng KTHIT	3.000	3.000	2.100					900	388	388					0	2.612	1.712					900	2.612	1.712						900
4	Đầu tư lĩnh vực khoa học và công nghệ năm 2023 (Mua sắm trang thiết bị phòng Anh văn (phòng Lab) các Trường: TH và THCS Đồng Tâm, TH và THCS Tân Hòa, TH và THCS Thuận Lợi và phòng tin học các Trường: THCS Tân Lập, TH và THCS Tân Hòa, TH và THCS Tân Phước	8050024	Phòng KTHIT	4.200	4.200					3.000	1.200	4.157					3.000	1.157	43						43	24	0						24